FireAnt

CTCP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp (UPCOM: DWS)

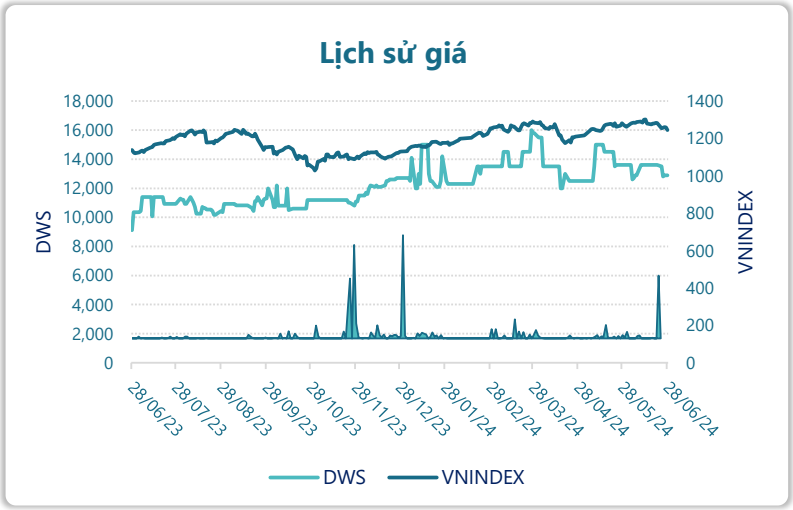

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,116
SL cổ phiếu LH	25,918,130
KLGD BQ 20 phiên (CP)	435
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	334
P/E	7.7
EPS	1,679

DT thuần

Q2/24

122

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0| 12.8%

YoY: ▲ 6.00| 5.0%

LN sau thuế

Q2/24

14.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.37| 103%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

14.9%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

6T 2024

230

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0| 6.3%

LN sau thuế

6T 2024

21.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.40| 1.8%

ROE

Q2/24

12.8%

+/- YoY: ▼ 0.1%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

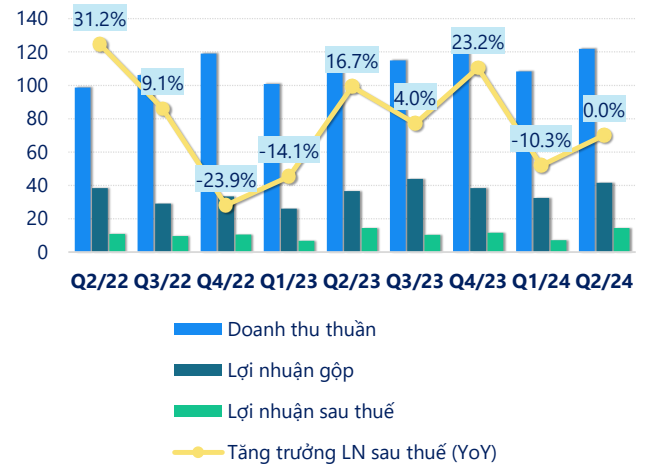

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

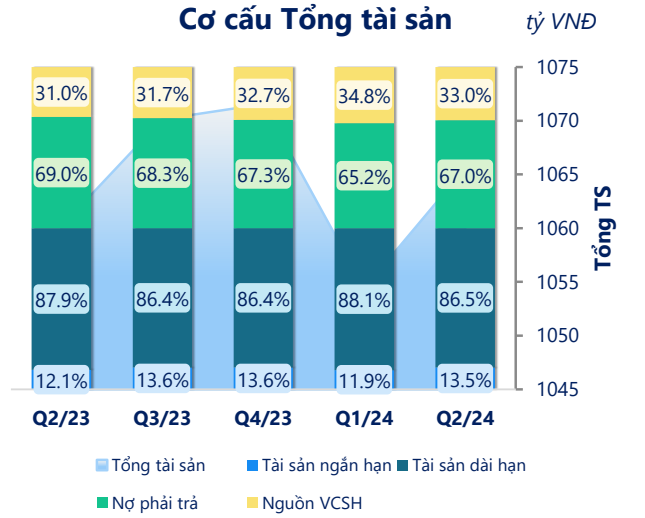

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

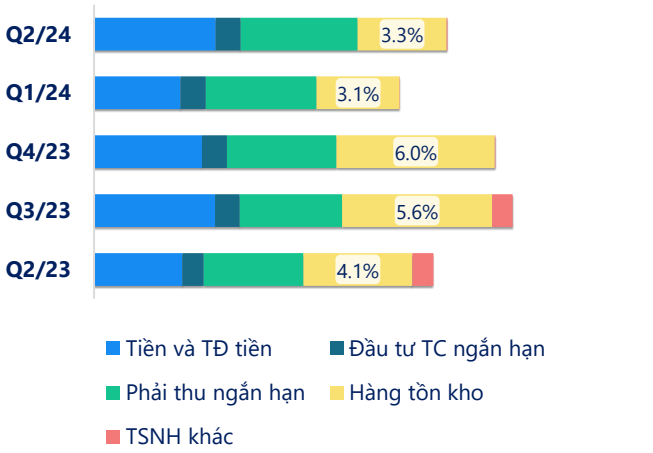

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

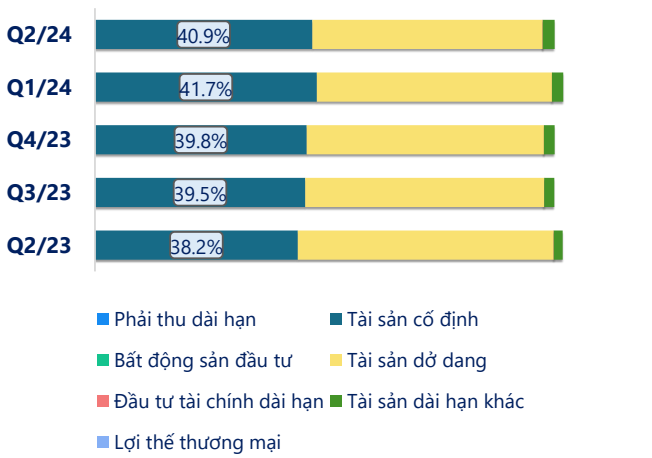

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

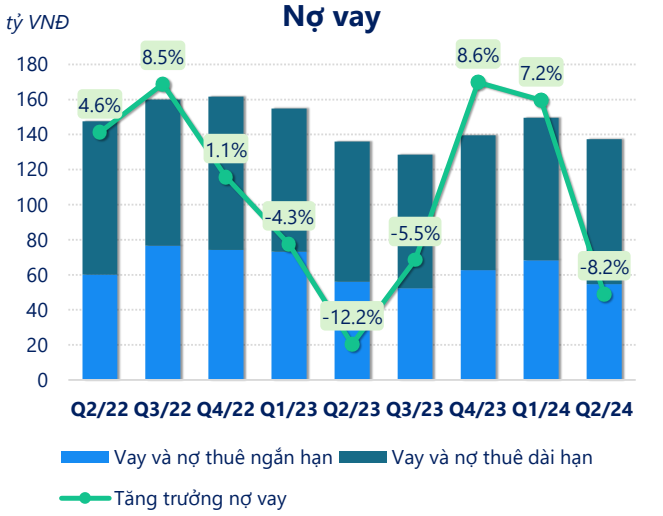

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

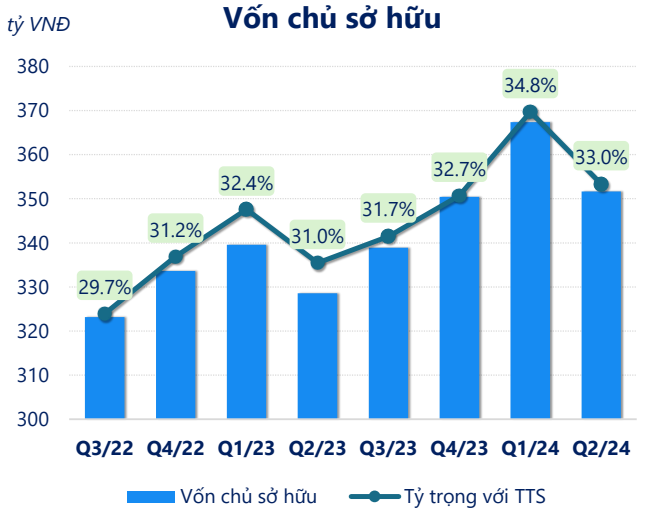

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

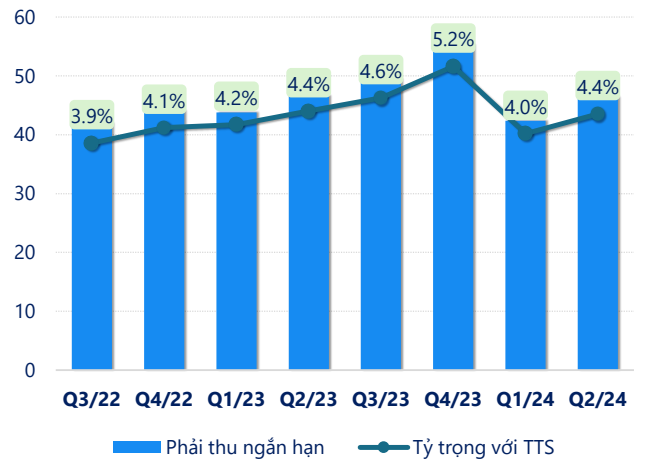

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

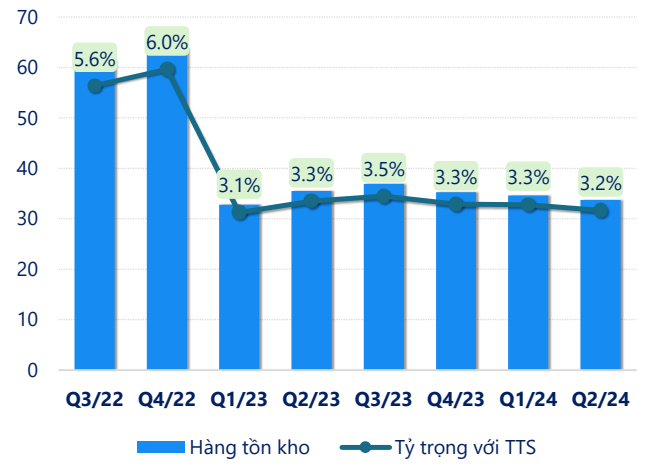

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

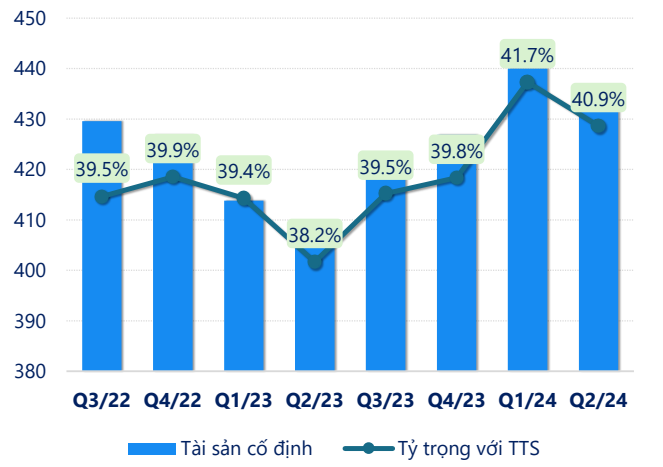

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

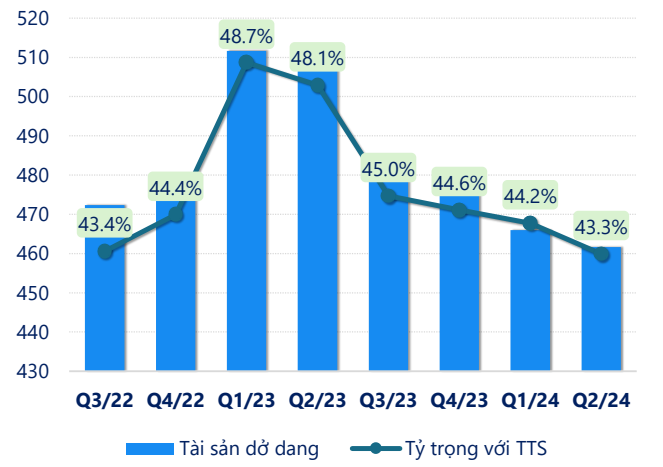

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

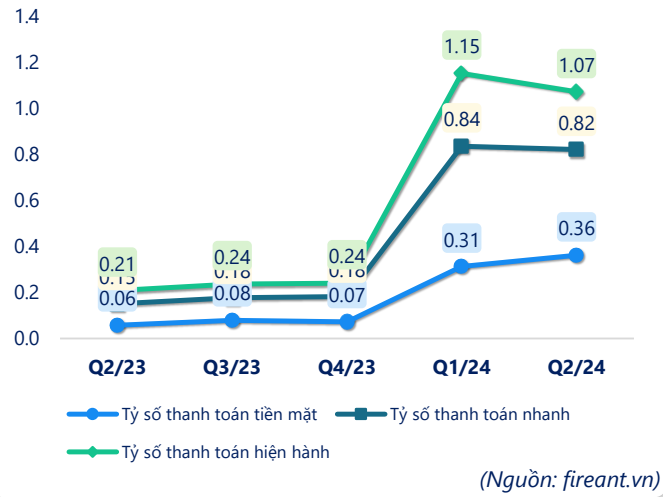

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

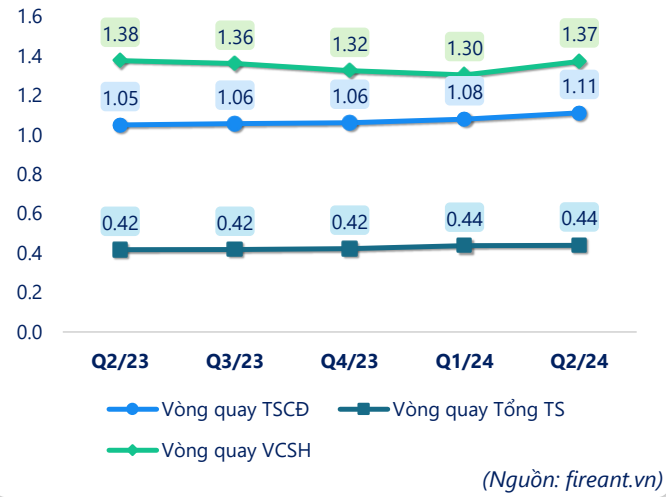

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,060**	**1,070**	**1,072**	**1,054**	**1,066**
Tài sản ngắn hạn	**128**	**146**	**146**	**126**	**144**
Tiền và tương đương tiền	35.2	48.7	43.5	34.2	48.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	10.5	11.0	11.0
Phải thu ngắn hạn	46.7	49.5	55.3	42.4	46.4
Hàng tồn kho	35.5	36.9	35.3	34.6	33.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.38	0.62	0.95	3.79	4.36
Tài sản dài hạn	**932**	**924**	**926**	**928**	**921**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	405	423	427	440	435
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	510	481	478	466	462
Đầu tư tài chính dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản dài hạn khác	17.7	20.1	21.5	22.3	24.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**732**	**731**	**721**	**687**	**714**
Nợ ngắn hạn	**612**	**615**	**604**	**109**	**135**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	56.1	52.3	62.7	68.2	54.6
Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	9.88	17.5	8.37	11.3
Nợ dài hạn	120	116	117	578	579
Vay và nợ thuê dài hạn	79.9	76.3	76.9	81.4	82.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**329**	**339**	**350**	**367**	**352**
Vốn chủ sở hữu	**329**	**339**	**350**	**367**	**352**
Vốn điều lệ	259	259	259	259	259
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)